TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1187/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý 1068/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc: "Thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông **Thái Ngọc T**, sinh năm 1983.

2. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: B đường B, khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 năm 2015 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy: Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2011, quyển

01/2011, đăng ký ngày 01/4/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân giữa ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông T và bà V có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V có 02 người con chung gồm: Nguyễn Văn Đ (giới tính N, sinh ngày 11/02/2022) và Thái Hoàng Ánh D (giới tính Nữ, sinh ngày 04/7/2019). Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V cùng thỏa thuận thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Văn Đ và Thái Hoàng Ánh D cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét sự thỏa thuận trên của ông T và bà V không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V xác nhận không có.

[6] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông T và bà V chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Thái Ngọc T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2011, quyển 01/2011, đăng ký ngày 01/4/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ) tại chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Đ (giới tính N, sinh ngày 11/02/2022) và cháu Thái Hoàng Ánh D (giới tính Nữ, sinh ngày 04/7/2019)

cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Ông T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi giữ hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V đã đóng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Thái Ngọc T và bà Nguyễn Thị V đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022988 do Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 13/4/2026. Ông T và bà V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga